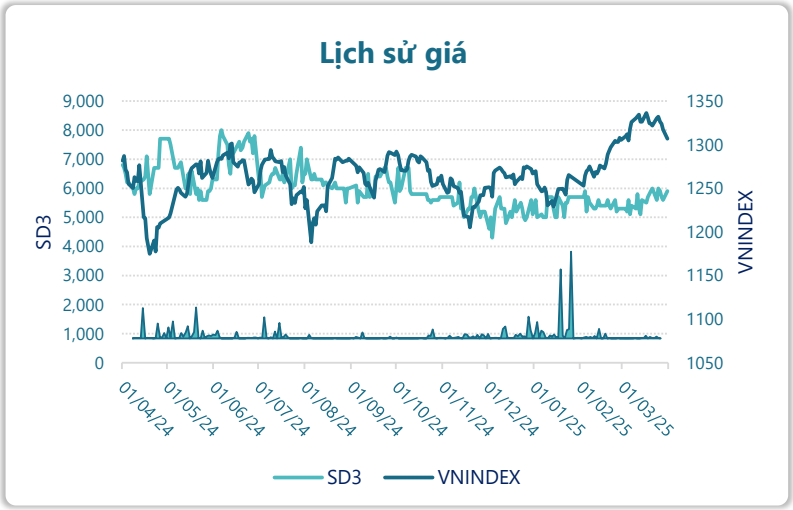
FireAnt

CTCP Sông Đà 3 (UPCOM: SD3)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,300
SL cổ phiếu LH	15,999,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,225
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	94
P/E	10.8
EPS	545

DT thuần

Q1/25

51.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.90| 21.2%

YoY: ▲ 11.8| 30.1%

LN sau thuế

Q1/25

17.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.7| -50.7%

YoY: ▲ 8.17| 90.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

14.9%

+/- YoY: ▼ 24.6%

DT thuần

2024

126

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.0| -15.4%

LN sau thuế

2024

-1.96

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.29| -692%

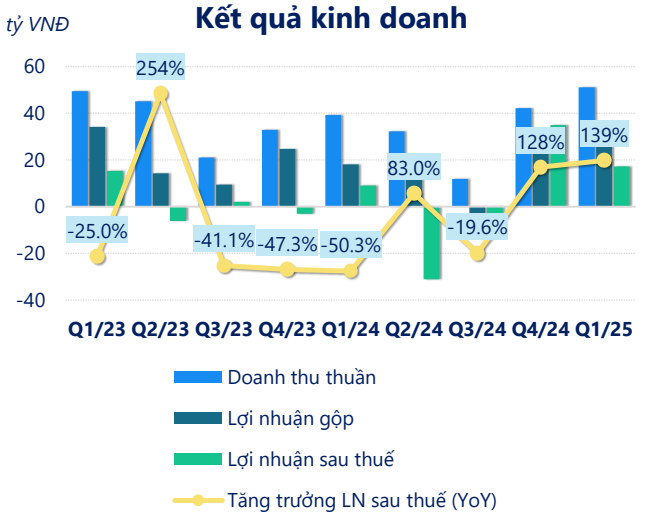
ROE

2024

-4.2%

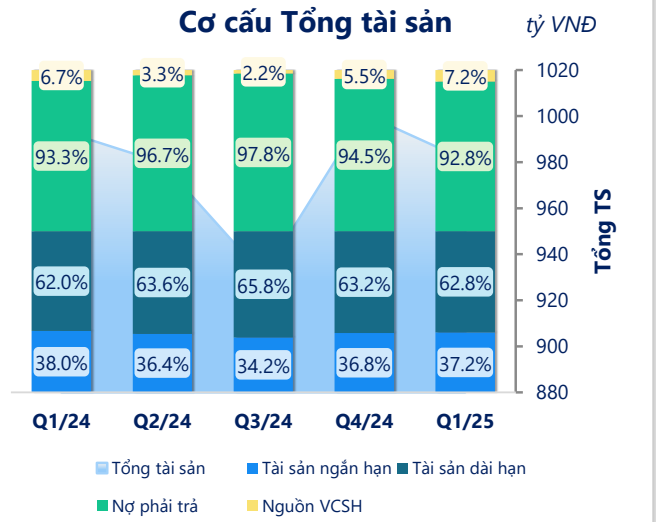
+/- YoY: ▼ 4.1%

Kết quả kinh doanh



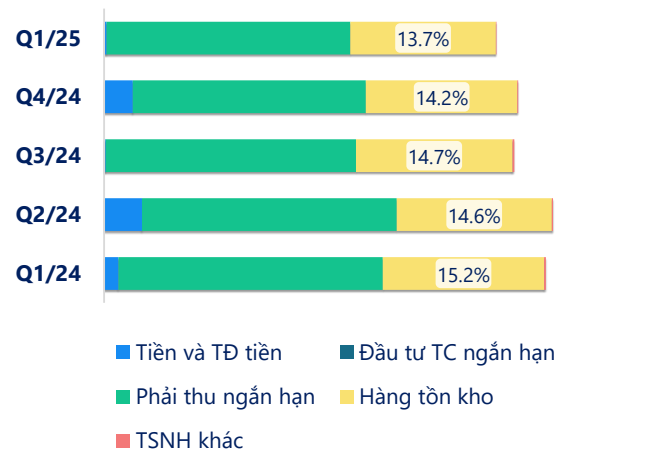
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



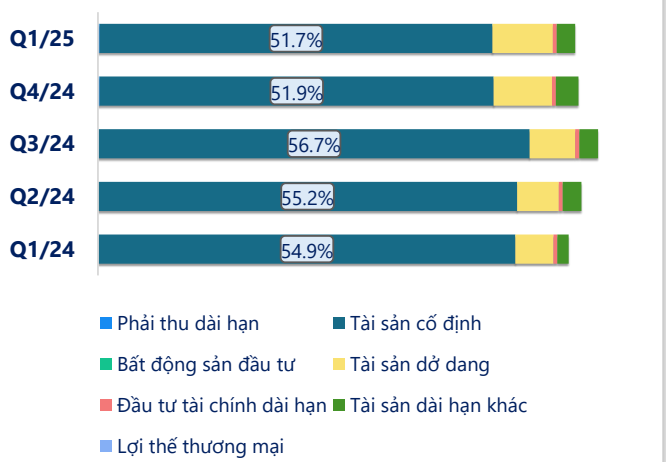
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



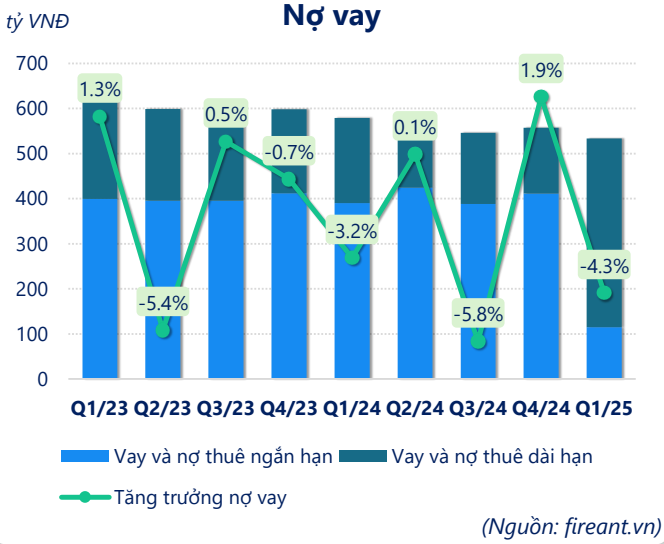
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



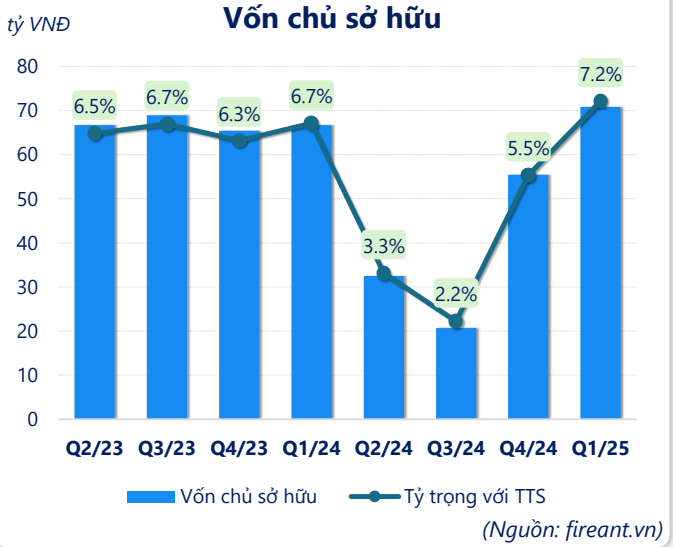
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



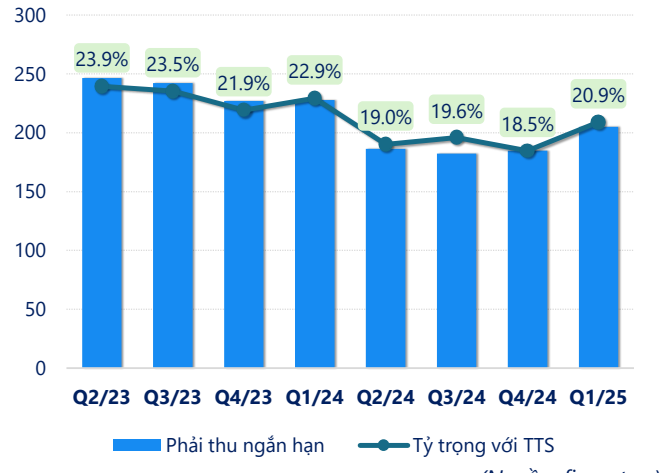
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



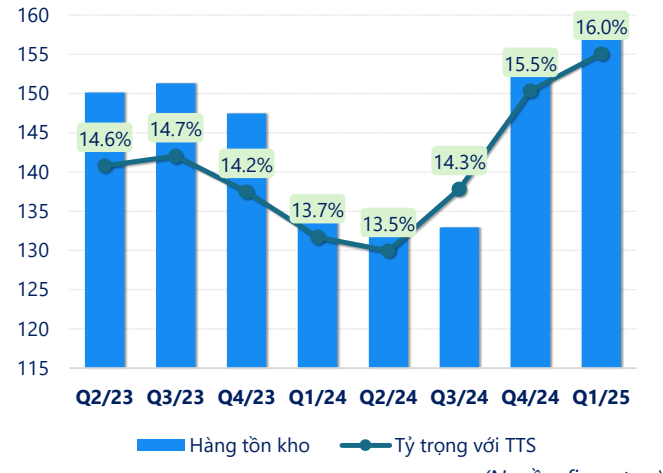
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



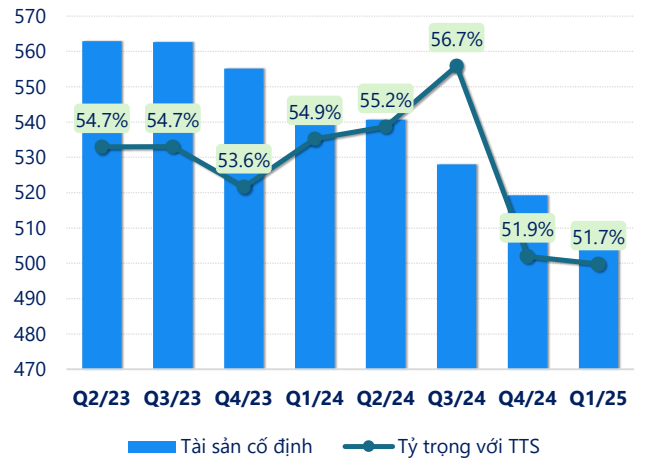
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



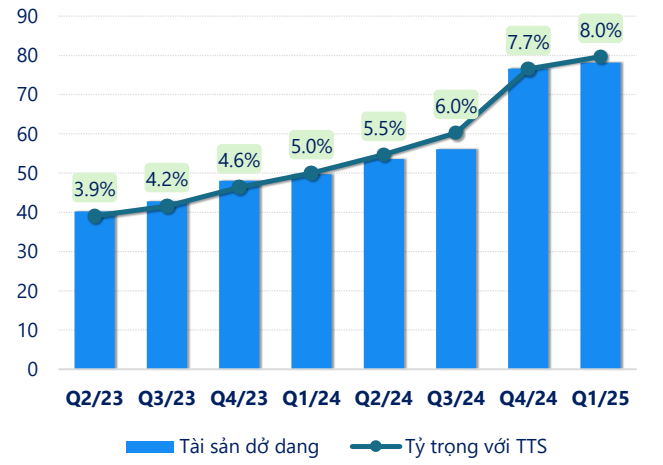
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



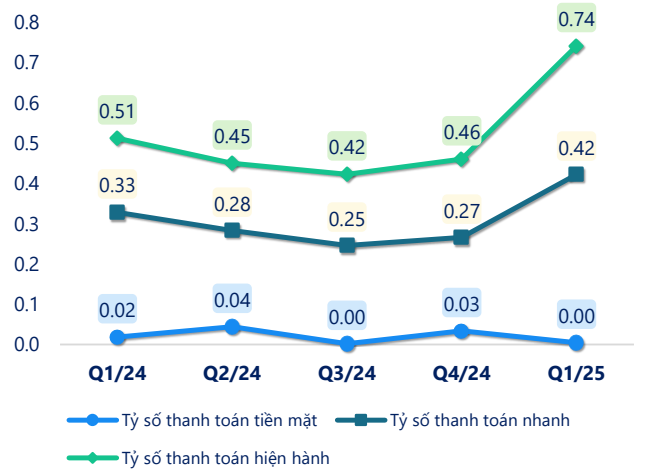
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**994**	**980**	**931**	**1,001**	**981**
Tài sản ngắn hạn	**378**	**356**	**318**	**368**	**365**
Tiền và tương đương tiền	13.5	35.0	1.49	27.0	2.32
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	228	186	182	185	205
Hàng tồn kho	136	132	133	155	157
Tài sản ngắn hạn khác	0.79	2.77	1.18	0.58	0.41
Tài sản dài hạn	**616**	**624**	**613**	**633**	**616**
Phải thu dài hạn	0.78	0	0.78	2.25	2.25
Tài sản cố định	545	541	528	519	507
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	49.7	53.6	56.1	76.6	78.2
Đầu tư tài chính dài hạn	5.05	5.01	5.01	4.96	4.96
Tài sản dài hạn khác	14.9	24.3	22.9	29.9	23.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**927**	**947**	**910**	**945**	**910**
Nợ ngắn hạn	**738**	**792**	**752**	**799**	**492**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	390	425	388	411	115
Phải trả người bán ngắn hạn	112	114	109	120	105
Nợ dài hạn	189	156	158	146	419
Vay và nợ thuê dài hạn	189	155	158	146	418
Nguồn vốn chủ sở hữu	**66.7**	**32.5**	**20.7**	**55.4**	**70.8**
Vốn chủ sở hữu	**66.7**	**32.5**	**20.7**	**55.4**	**70.8**
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)